

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TỊNH BIÊN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 80/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 14-8-2024
“V/v tranh chấp hôn nhân và
gia đình, ly hôn, nuôi con khi ly
hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỊNH BIÊN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Võ Thị Ngọc Mỹ.
- Các Hội thẩm nhân dân: ông Châu Kim Ba; ông Nguyễn Quốc Khanh.

Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Cẩm Tiên, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: ông Đặng Phương Nam, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 392/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2023 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Neáng Sóc K, sinh năm 1994; nơi cư trú: tổ D, ấp S, xã A, thị xã T, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: ông Chau N, sinh năm 1995; nơi cư trú: tổ D, ấp S, xã A, thị xã T, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Neáng Sóc K và bị đơn ông Chau N có đơn xin xét xử vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Neáng Sóc K trình bày: Bà và ông Chau N chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T (nay là thị xã T), tỉnh An Giang theo số 20, ngày 11/02/2015. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống rất hạnh phúc, khoảng năm 2022 do ông N không lo làm ăn nên vợ chồng xảy ra cãi vã, sau đó ông N bỏ đi, đến tháng 06/2023 thì bị Công an thành phố T, tỉnh Bình Dương bắt tạm giam về hành vi đánh nhau. Nay tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên bà Neáng Sóc K yêu cầu được ly hôn với ông Chau N.

Bà Neáng Sóc K và ông Chau N có 01 con chung tên Chau Sóc Phi N1, sinh ngày 28/8/2015. Khi ly hôn, bà Neáng Sóc K yêu cầu được quyền nuôi con chung; không yêu cầu ông Chau N cấp dưỡng; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện bao gồm: Căn cước công dân cấp cho bà Neáng Sóc K (bản sao); Giấy khai sinh cấp cho C (bản sao); Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Trích lục kết hôn (bản sao); Trích lục cải chính hộ tịch cho Neáng Sóc K (bản sao) và B tự khai của Neáng Sóc K (bản chính).

- *Đối với bị đơn ông Chau N:* Trong quá trình giải quyết đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố T, tỉnh Bình Dương. Biên bản ghi lời khai ngày 29/5/2024, ông Chau N trình bày thống nhất ly hôn với bà Neáng Sóc K1; yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung Chau Sóc Phi N1 do con từ nhỏ đã chung sống với ông, bà nội và không yêu cầu bà K1 cấp dưỡng; về tài sản chung và nợ chung không có.

- *Ý kiến của cháu Chau Sóc Phi N1:* Nếu cha và mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng được sống với ba là Chau N.

Tại phiên tòa,

- *Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền: bà N2 Sóc Kunl khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Chau N, có nơi cư trú tại ấp S, xã A, thị xã T. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: bà Neáng Sóc K và ông Chau N có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: bà Neáng Sóc K và ông Chau N chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 20 ngày 11/02/2015 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T (nay là thị xã T), tỉnh An Giang nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.*

Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.”

Xét, vợ chồng phải thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau nhưng bà Neáng Sóc K và ông Chau N không còn sống chung, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Chau N thừa nhận những mâu thuẫn xảy ra giữa vợ chồng và thống nhất ly hôn theo yêu cầu của bà K, do đó theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nguyên đơn khởi kiện ly hôn với bị đơn là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà N2 Sóc Kunl xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Chau Sóc Phi N1, sinh ngày 28/8/2015. Bà Neáng Sóc K yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn: *“2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con;”*

Xét thấy, hiện nay cháu Chau Sóc Phi N1 do ông bà nội đang nuôi dưỡng tại ấp S, xã A, thị xã T. Mặc dù, cháu N1 có nguyện vọng được sống với ông Chau N nếu cha mẹ ly hôn, tuy nhiên ông Chau N bị tạm giam và đang bị hạn chế về quyền nên không thể trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, việc giao cho ông Chau N nuôi dưỡng con chung tại thời điểm này là không phù hợp. Do đó, giao cho bà N2 Sóc Kunl được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Chau Sóc Phi Na .

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: bà N2 Sóc Kunl không có yêu cầu nên không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: bà N2 Sóc Kunl không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án.

[2.5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo luật định; bị đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của

Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Neáng Sóc K.

1. Về hôn nhân: Bà Neáng Sóc K được ly hôn với ông Chau N.

2. Về nuôi con chung: Giao cho bà N2 Sóc Kunl được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Chau Sóc Phi N1, sinh ngày 28/8/2015; ông Chau N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Neáng Sóc K cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Chau N quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí sơ thẩm: bà Neáng Sóc K phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0010628 ngày 20/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tịnh Biên; bà Neáng Sóc K đã nộp đủ án phí; ông Chau N không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo vắng mặt trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND thị xã Tịnh Biên (2);
- Chi cục THADS thị xã Tịnh Biên (1);
- UBND xã An Cư (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Ngọc Mỹ